

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 27



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Văn Hùng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2012)
Ông Nguyễn Minh Xuân	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2012)
Ông Đào Đình Đông	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2012)
Ông Nguyễn Minh Xuân	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2012)
Ông Lê Văn Hồng	Thành viên
Ông Lê Xuân Cường	Thành viên
Ông Mai Văn Bông	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2012)
Bà Phạm Thị Liên	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2012)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Minh Xuân	Tổng Giám đốc
Ông Trương Bá Liêm	Phó Tổng Giám đốc thứ nhất
Ông Mai Văn Bông	Phó Tổng Giám đốc thứ hai (nghỉ hưu từ ngày 1 tháng 7 năm 2012)
Bà Phạm Thị Liên	Phó Tổng Giám đốc thứ ba

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Minh Xuân
Tổng Giám đốc
Ngày 1 tháng 3 năm 2013

Số: 0231 / Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 1 tháng 3 năm 2013, từ trang 3 đến trang 27.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán được phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2012 và đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến một số khoản công nợ phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 chưa có xác nhận nợ nhưng có cam kết trả thay của cán bộ công nhân viên trong công ty và nguyên giá tạm tính của hai công trình cao ốc 189 Nguyễn Thị Minh Khai và cao ốc 193 Đinh Tiên Hoàng có thể thay đổi do chưa có báo cáo kiểm toán quyết toán vốn xây dựng cơ bản.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như đã nêu tại Thuyết minh số 12 phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nguyên giá của các bất động sản đầu tư là công trình cao ốc HMC tại 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh đang được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và nguyên giá này có thể thay đổi khi báo cáo quyết toán vốn xây dựng cơ bản đã được kiểm toán và phê duyệt.



Nguyễn Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 1 tháng 3 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Minh Thao
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1902/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		753.608.104.825	894.246.768.538
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	23.354.614.977	28.163.309.549
1. Tiền	111		18.354.614.977	15.663.309.549
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	12.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	4.370.000.000	6.785.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		23.000.000.000	23.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(18.630.000.000)	(16.215.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		342.410.036.921	396.528.387.465
1. Phải thu khách hàng	131	7	298.169.167.430	388.415.789.412
2. Trả trước cho người bán	132		44.026.047.933	6.083.224.831
3. Các khoản phải thu khác	135		3.728.070.362	2.029.373.222
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.513.248.804)	-
IV. Hàng tồn kho	140	8	373.997.970.509	444.175.346.826
1. Hàng tồn kho	141		391.686.274.092	444.175.346.826
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(17.688.303.583)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.475.482.418	18.594.724.698
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		239.810.534	132.761.905
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.468.078.871	2.462.405.701
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.767.593.013	15.999.557.092

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		284.701.897.199	304.504.150.329
I. Tài sản cố định	220		148.357.759.057	151.799.257.670
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	57.088.978.258	61.446.402.736
- Nguyên giá	222		83.065.665.576	81.845.150.324
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.976.687.318)	(20.398.747.588)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	84.341.620.282	84.341.620.282
- Nguyên giá	228		84.341.620.282	84.341.620.282
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	6.927.160.517	6.011.234.652
II. Bất động sản đầu tư	240	12	124.534.522.827	130.742.639.967
- Nguyên giá	241		141.623.274.876	141.623.274.876
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(17.088.752.049)	(10.880.634.909)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	3.986.445.187	14.076.617.047
1. Đầu tư dài hạn khác	258		16.575.360.000	16.575.360.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(12.588.914.813)	(2.498.742.953)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		7.823.170.128	7.885.635.645
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	7.249.170.128	7.361.635.645
2. Tài sản dài hạn khác	268		574.000.000	524.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		<u>1.038.310.002.024</u>	<u>1.198.750.918.867</u>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		696.938.219.754	853.885.301.423
I. Nợ ngắn hạn	310		649.897.058.228	799.732.369.684
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	456.902.956.464	529.995.226.558
2. Phải trả người bán	312	16	151.457.457.501	204.353.243.327
3. Người mua trả tiền trước	313		917.589.700	794.943.251
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	23.136.052.579	26.800.452.853
5. Phải trả người lao động	315		6.117.115.368	11.329.141.565
6. Chi phí phải trả	316		2.651.671.519	4.381.970.198
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	6.179.102.987	21.755.401.589
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.535.112.110	321.990.343
II. Nợ dài hạn	330		47.041.161.526	54.152.931.739
1. Phải trả dài hạn khác	333	19	16.356.909.053	14.043.752.526
2. Vay và nợ dài hạn	334	20	30.164.999.999	39.944.999.999
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	164.179.214
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		519.252.474	-
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		341.371.782.270	344.865.617.444
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	341.371.782.270	344.865.617.444
1. Vốn điều lệ	411		210.000.000.000	210.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.225.230.000	37.225.230.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(114.745.662)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		63.135.978.269	33.088.841.446
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		769.715.376	769.715.376
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.173.466.830	973.466.830
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		29.067.391.795	62.923.109.454
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.038.310.002.024	1.198.750.918.867

Tô Hải Dung
Người lập biểu

Võ Thị Lệ Châu
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Xuân
Tổng Giám đốc
Ngày 1 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

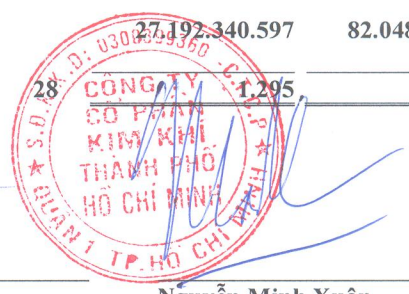
MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.311.060.931.952	6.333.569.612.405
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		248.740.012	406.480.663
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	4.310.812.191.940	6.333.163.131.742
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	4.171.329.127.740	6.157.775.301.260
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		139.483.064.200	175.387.830.482
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	30.536.199.989	103.723.687.681
7. Chi phí tài chính	22	26	89.592.573.606	107.396.530.547
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		71.780.799.009	72.208.696.774
8. Chi phí bán hàng	24		34.192.100.096	47.031.279.357
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.593.324.577	20.409.764.807
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		29.641.265.910	104.273.943.452
11. Thu nhập khác	31		1.918.418.179	1.268.886.759
12. Chi phí khác	32		13.611.438	2.903.150.341
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.904.806.741	(1.634.263.582)
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		31.546.072.651	102.639.679.870
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	4.353.732.054	20.350.295.378
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	241.326.236
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		27.192.340.597	82.048.058.256
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.295	3.907


Tô Hải Dung
Người lập biểu


Võ Thị Lệ Châu
Kế toán trưởng


Nguyễn Minh Xuân
Tổng Giám đốc
Ngày 1 tháng 3 năm 2013



Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	31.546.072.651	102.639.679.870
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.786.056.870	12.805.881.421
Các khoản dự phòng	03	33.706.724.247	11.928.742.953
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.633.504.769)	(2.667.578.931)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.710.028.047)	(83.003.592.192)
Chi phí lãi vay	06	71.780.799.009	72.208.696.774
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	144.476.119.961	113.911.829.895
Thay đổi các khoản phải thu	09	49.584.005.098	(127.397.199.359)
Thay đổi hàng tồn kho	10	52.489.072.734	(24.233.729.518)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(48.536.059.660)	(4.845.902.177)
Thay đổi chi phí trả trước	12	5.416.888	956.189.127
Tiền lãi vay đã trả	13	(72.867.588.400)	(70.880.115.166)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.894.488.450)	(20.352.727.564)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.313.156.527	27.632.345.538
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.437.799.666)	(25.418.355.820)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	119.131.835.032	(130.627.665.044)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.392.497.630)	(20.417.074.532)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	144.090.909
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(269.660.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	12.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.725.451.519	82.850.918.257
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(667.046.111)	74.808.274.634
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.952.140.618.649	3.315.299.149.239
Chi trả nợ gốc vay	34	(3.035.334.810.166)	(3.239.215.679.626)
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(40.086.839.000)	(46.249.573.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(123.281.030.517)	29.833.896.113
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(4.816.241.596)	(25.985.494.297)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	28.163.309.549	54.149.414.669
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	7.547.024	(610.823)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	23.354.614.977	28.163.309.549


 Tô Hải Dung
 Người lập biểu


 Võ Thị Lệ Châu
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Minh Xuân
 Tổng Giám đốc
 Ngày 1 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004193 ngày 27 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần gần nhất ngày 6 tháng 6 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28 tháng 11 năm 2006 với mã số chứng khoán là HMC.

Cổ đông lớn và là Công ty Mẹ của Công ty là Tổng Công ty Thép Việt Nam, chiếm tỉ lệ sở hữu 55,7% vốn điều lệ tương đương với quyền biểu quyết.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 188 người (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 201 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán kim khí, nông lâm hải sản, vật tư thứ liệu, phế liệu, thủ công mỹ nghệ, khoáng sản, sản phẩm kim loại và các loại vật tư khác, gỗ và các sản phẩm về gỗ; sản xuất, gia công sản phẩm kim khí và các hoạt động phục vụ kinh doanh; kinh doanh khách sạn; kinh doanh lĩnh vực nội địa và quốc tế; đại lý kinh doanh xăng dầu, dầu nhớt, mỡ máy; dịch vụ cho thuê kho bãi, văn phòng, nhà ở; kinh doanh bất động sản; buôn bán xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; vận tải hành khách ven biển và viễn dương, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa; sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; phá hủy tàu; mua bán máy móc thiết bị; vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá vốn hàng mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho có giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà xưởng và vật kiến trúc	8 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	4 - 6
Tài sản cố định khác	10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và được trình bày theo nguyên giá. Công ty không trích khấu hao quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà xưởng và thiết bị (theo nhà xưởng) do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được bất động sản đầu tư. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bất động sản đầu tư bao gồm chi phí xây dựng và thiết bị được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính lần lượt là từ 30 năm tới 34 năm và 8 năm tới 12 năm.

500
NHÀ
NG 13
HIỆM
OIT
T N
P. H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các quỹ

Quỹ Đầu tư Phát triển, Quỹ Dự phòng Tài chính và Quỹ khác được trích lập hàng năm từ lợi nhuận sau thuế theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Tiền mặt	1.550.077.735	4.629.439.312
Tiền gửi ngân hàng	16.804.537.242	11.033.870.237
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	12.500.000.000
	23.354.614.977	28.163.309.549

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại có thời hạn 1 tháng với lãi suất 6% một năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn thể hiện khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần thép Nhà Bè với số lượng 1.150.000 cổ phiếu, chiếm 11,5% trong tổng vốn điều lệ.

Dự phòng giảm giá đầu tư thể hiện khoản giảm giá của khoản đầu tư nêu trên và được trích lập trên cơ sở giá trị ghi sổ cao hơn giá giao dịch bình quân trên thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Phải thu các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 32)	65.368.159.058	149.992.527.819
Phải thu bên thứ ba	232.801.008.372	238.423.261.593
	298.169.167.430	388.415.789.412

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	44.330.248.939	10.689.684.823
Nguyên vật liệu	92.833.027	131.946.628
Công cụ, dụng cụ	7.630.000	-
Hàng hoá	347.255.562.126	433.353.715.375
	391.686.274.092	444.175.346.826
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(17.688.303.583)	-
	373.997.970.509	444.175.346.826

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thể chấp một phần giá trị hàng hóa tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 để đảm bảo các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tài sản cố định khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2012	52.458.378.502	23.860.682.515	370.483.449	4.082.835.027	1.072.770.831	81.845.150.324
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.070.799.352	149.715.900	-	-	1.220.515.252
Tại ngày 31/12/2012	<u>52.458.378.502</u>	<u>24.931.481.867</u>	<u>520.199.349</u>	<u>4.082.835.027</u>	<u>1.072.770.831</u>	<u>83.065.665.576</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2012	11.507.053.972	5.472.029.823	175.582.612	2.905.429.045	338.652.136	20.398.747.588
Khấu hao trong năm	2.858.506.608	2.306.447.610	80.248.094	225.460.334	107.277.084	5.577.939.730
Tại ngày 31/12/2012	<u>14.365.560.580</u>	<u>7.778.477.433</u>	<u>255.830.706</u>	<u>3.130.889.379</u>	<u>445.929.220</u>	<u>25.976.687.318</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2012	<u>38.092.817.922</u>	<u>17.153.004.434</u>	<u>264.368.643</u>	<u>951.945.648</u>	<u>626.841.611</u>	<u>57.088.978.258</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>40.951.324.530</u>	<u>18.388.652.692</u>	<u>194.900.837</u>	<u>1.177.405.982</u>	<u>734.118.695</u>	<u>61.446.402.736</u>

Nguyên giá nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và dụng cụ quản lý của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng với nguyên giá là 6.569.740.693 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 6.221.941.153 đồng).

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất khu đất 9.121,2 m² tại Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã được cấp Giấy chứng nhận sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao theo quy định hiện hành.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Mua tài sản cố định	-	9.839.000
Xây dựng cơ bản dở dang	6.695.658.617	6.001.395.652
Trong đó:		
- Dự án số 5 Quốc Hương, Thảo Điền, Quận 2	693.472.727	323.636.363
- Dự án nhà xưởng kho Linh Trung	5.051.698.982	4.727.272.381
- Dự án chung cư Phú Thuận	863.946.364	863.946.364
- Dự án cao ốc 193 Đinh Tiên Hoàng	231.501.900	-
- Dự án quy hoạch kho Linh Trung	86.540.544	86.540.544
	<u>6.927.160.517</u>	<u>6.011.234.652</u>

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà xưởng VNĐ	Thiết bị VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2012 và ngày 31/12/2012	<u>114.712.616.640</u>	<u>26.910.658.236</u>	<u>141.623.274.876</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2012	6.073.268.130	4.807.366.779	10.880.634.909
Khấu hao trong năm	3.531.824.818	2.676.292.322	6.208.117.140
Tại ngày 31/12/2012	<u>9.605.092.948</u>	<u>7.483.659.101</u>	<u>17.088.752.049</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	<u>105.107.523.692</u>	<u>19.426.999.135</u>	<u>124.534.522.827</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>108.639.348.510</u>	<u>22.103.291.457</u>	<u>130.742.639.967</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị nhà xưởng và thiết bị của hai tòa nhà tại 189 Nguyễn Thị Minh Khai và 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị tòa nhà tại 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 89.992.885.583 đồng) hiện chưa thực hiện việc kiểm toán báo cáo quyết toán công trình xây dựng cơ bản và đang được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh. Theo đó, nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị công trình theo kết quả kiểm toán và giá trị bất động sản đang ghi nhận sẽ không có chênh lệch trọng yếu.

Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý do Công ty có ý định nắm giữ các bất động sản lâu dài và Công ty cũng chưa thuê công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp toàn bộ bất động sản đầu tư để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thép Tấm Lát Thống Nhất với số lượng 1.400.000 cổ phần, chiếm 7% trong tổng vốn cổ phần và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với số lượng 161.796 cổ phiếu, chiếm 0,006% trong tổng vốn cổ phần.

Dự phòng giảm giá đầu tư thể hiện khoản giảm giá của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thép Tấm Lát Thống Nhất và được trích lập trên cơ sở vốn góp thực tế của Công ty tại Công ty Cổ phần Thép Tấm Lát Thống Nhất lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có Công ty được hưởng tương ứng với phần tỷ lệ sở hữu.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Tiền thuê đất Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc	6.568.464.742	6.758.855.026
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng	516.863.006	121.895.272
Chi phí khác	163.842.380	480.885.347
	7.249.170.128	7.361.635.645

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Vay ngắn hạn	447.122.956.464	520.215.226.558
Trong đó:		
- Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	280.278.133.205	245.428.373.963
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7.507.608.381	158.518.192.245
- Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	64.623.180.860	36.428.946.817
- Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	21.429.786.576	-
- Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	12.307.767.775
- Vay Ngân hàng TMCP An Bình	58.427.424.076	67.531.945.758
- Vay Ngân hàng TNHH Indovina	14.856.823.366	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	9.780.000.000	9.780.000.000
	456.902.956.464	529.995.226.558

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với hạn mức 500.000.000.000 đồng có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ và đáo hạn vào ngày 30 tháng 4 năm 2013. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất theo thông báo của ngân hàng. Lãi vay được trả hàng tháng phụ thuộc vào ngày giải ngân.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với hạn mức 300.000.000.000 đồng có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ và đáo hạn vào ngày 26 tháng 9 năm 2013. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hóa tồn kho luân chuyển trong hoạt động kinh doanh kim khí, sản xuất và gia công sản phẩm kim khí và chịu lãi suất theo thông báo của ngân hàng. Lãi vay được trả hàng tháng phụ thuộc vào ngày giải ngân.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam với hạn mức 5.900.000 Đô la Mỹ, có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ và đáo hạn vào ngày 1 tháng 3 năm 2013. Khoản vay này được đảm bảo bằng một phần khoản phải thu cùng hàng hóa tồn kho luân chuyển trong hoạt động kinh doanh, sản xuất và gia công sản phẩm kim khí. Khoản vay chịu lãi suất theo thông báo của ngân hàng. Lãi vay sẽ được trả hàng tháng phụ thuộc vào ngày giải ngân.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam với hạn mức 150.000.000.000 đồng có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ và đáo hạn vào ngày 24 tháng 4 năm 2013. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất theo thông báo của ngân hàng. Lãi vay được trả hàng tháng phụ thuộc vào ngày giải ngân.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP An Bình - Sở giao dịch với hạn mức 100.000.000.000 đồng có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ và đáo hạn vào ngày 18 tháng 11 năm 2013. Khoản vay này chịu lãi suất theo thông báo của ngân hàng và được đảm bảo bằng hàng hóa tồn kho luân chuyển trong hoạt động kinh doanh kim khí, sản xuất và gia công sản phẩm kim khí với tổng giá trị tối thiểu 125% dư nợ vay tại mọi thời điểm. Lãi vay được trả hàng tháng phụ thuộc vào ngày giải ngân.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Indovina dưới hình thức tín chấp với hạn mức là 30.000.000.000 đồng, có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ khác và thanh toán trong vòng 180 ngày cho mỗi lần rút vốn kể từ ngày rút vốn. Khoản vay này đáo hạn vào ngày 22 tháng 4 năm 2013. Lãi vay được trả hàng tháng vào ngày cuối tháng.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Phải trả cho các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 32)	25.458.263.616	109.491.687.530
Phải trả cho bên thứ ba	125.999.193.885	94.861.555.797
	151.457.457.501	204.353.243.327

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	21.646.998.280	24.293.097.335
Thuế xuất, nhập khẩu	-	65.082.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.182.233.452	1.722.989.848
Thuế thu nhập cá nhân	62.820.847	441.212.070
Thuế nhà đất	244.000.000	278.071.200
	23.136.052.579	26.800.452.853

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Bảo hiểm xã hội	146.924.536	169.816.390
Phải trả cổ tức	35.887.000	14.922.726.000
Phải trả khác	5.996.291.451	6.662.859.199
	6.179.102.987	21.755.401.589

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác thể hiện các khoản tiền nhận ký quỹ dài hạn của khách hàng thuê văn phòng tại tòa nhà 189 Nguyễn Thị Minh Khai và 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

20. VAY DÀI HẠN

Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có hai hợp đồng vay dài hạn như sau:

Tại ngày 23 tháng 9 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Sở Giao dịch 2 với hạn mức 71.500.000.000 đồng. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 10 tháng 3 năm 2011 đến ngày 10 tháng 12 năm 2016. Khoản vay chịu lãi suất theo thông báo của ngân hàng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là công trình xây dựng trên đất thuộc dự án đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng tại 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư khoản vay với tổng số tiền 25.920.000.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 32.400.000.000 đồng).

Tại ngày 7 tháng 1 năm 2009, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Sở Giao dịch 2 với hạn mức 42.240.000.000 đồng. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 10 tháng 9 năm 2010 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017. Khoản vay chịu lãi suất theo thông báo của ngân hàng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là công trình tòa nhà văn phòng 189 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư khoản vay với tổng số tiền 14.024.999.999 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 17.324.999.999 đồng).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	9.780.000.000	9.780.000.000
Trong năm thứ hai	9.780.000.000	9.780.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	20.384.999.999	29.340.000.000
Sau năm năm	-	824.999.999
	39.944.999.999	49.724.999.999
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn-Thuyết minh số 15)	<u>(9.780.000.000)</u>	<u>(9.780.000.000)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	30.164.999.999	39.944.999.999



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Được phép phát hành và đã góp vốn đủ		
Số lượng (cổ phần)	21.000.000	21.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>210.000.000.000</u>	<u>210.000.000.000</u>

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 đồng, tương đương 21.000.000 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn điều lệ đã được góp đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	<u>Tỉ lệ %</u>	<u>Vốn đã góp VND</u>
Tổng Công ty thép Việt Nam	55,7	116.905.700.000
Các cổ đông khác	44,3	93.094.300.000
	<u>100</u>	<u>210.000.000.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

0-002
HÀNH
TY
HỮU
ITTE
NAM
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Thay đổi của vốn chủ sở hữu trong năm như sau:**

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2011	210.000.000.000	37.225.230.000	5.458.790.011	27.996.335.228	769.715.376	773.466.830	20.263.191.742	302.486.729.187
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	82.048.058.256	82.048.058.256
Cổ tức được công bố	-	-	-	-	-	-	(31.500.000.000)	(31.500.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	5.092.506.218	-	200.000.000	(5.292.506.218)	-
Phân phối quỹ KTPL	-	-	-	-	-	-	(2.595.634.326)	(2.595.634.326)
Giảm khác	-	-	(5.573.535.673)	-	-	-	-	(5.573.535.673)
Số dư tại ngày 31/12/2011	210.000.000.000	37.225.230.000	(114.745.662)	33.088.841.446	769.715.376	973.466.830	62.923.109.454	344.865.617.444
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	27.192.340.597	27.192.340.597
Cổ tức được công bố	-	-	-	-	-	-	(25.200.000.000)	(25.200.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	30.047.136.823	-	200.000.000	(30.247.136.823)	-
Phân phối quỹ KTPL	-	-	-	-	-	-	(5.600.921.433)	(5.600.921.433)
Tăng khác	-	-	114.745.662	-	-	-	-	114.745.662
Số dư tại ngày 31/12/2012	210.000.000.000	37.225.230.000	-	63.135.978.269	769.715.376	1.173.466.830	29.067.391.795	341.371.782.270

Ngày 24 tháng 3 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã thông qua Nghị quyết về phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2011 của Công ty, theo đó phương án trả cổ tức bằng tiền mặt cho cả năm 2011 là 22% trên mệnh giá, trong đó 10% cổ tức này đã được Công ty công bố và trả trong năm 2011, 12% phần cổ tức còn lại được chi trả trong năm 2012.

Các khoản tăng vốn khác của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm là các khoản phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm kinh doanh mua bán kim khí, phế liệu và sản phẩm kim loại. Hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi, văn phòng và kinh doanh bất động sản chiếm tỷ trọng không trọng yếu trong tổng doanh thu của Công ty. Công ty cũng chưa tổ chức cơ cấu theo các bộ phận. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh chính được trình bày ở Thuyết minh số 23 và số 24 phần thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Doanh thu bán hàng	4.266.639.349.877	6.292.257.772.442
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.421.582.075	41.311.839.963
	4.311.060.931.952	6.333.569.612.405
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(248.740.012)	(406.480.663)
	4.310.812.191.940	6.333.163.131.742

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.160.787.596.630	6.146.560.928.077
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.541.531.110	11.214.373.183
	4.171.329.127.740	6.157.775.301.260

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Lãi tiền gửi	2.250.033.547	4.547.920.150
Cổ tức, lợi nhuận được chia	459.994.500	1.676.605.010
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.647.446.334	2.893.062.459
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.493.322.095	17.964.283.493
Lãi do khách hàng thanh toán chậm	21.685.403.513	26.641.816.569
Lãi do chuyển nhượng quyền góp vốn	-	50.000.000.000
	30.536.199.989	103.723.687.681

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2012	2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	71.780.799.009	72.208.696.774
Lãi do thanh toán chậm cho nhà cung cấp	11.751.589	6.840.446
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.394.541	225.483.528
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.166.457.702	15.755.077.425
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	12.505.171.860	11.928.742.953
Chi phí tài chính khác	121.998.905	7.271.689.421
	89.592.573.606	107.396.530.547

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2012	2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	31.546.072.651	102.639.679.870
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(459.994.500)	(1.676.605.010)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	205.500.000	3.014.019.724
Thu nhập chịu thuế	31.291.578.151	103.977.094.584
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế đối với hoạt động chính được giảm thuế suất 50%	27.753.299.873	53.977.094.584
Thu nhập chịu thuế khác áp dụng thuế suất 25%	3.538.278.278	50.000.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.353.732.054	19.247.136.823
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	1.103.158.555
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.353.732.054	20.350.295.378

Theo Công văn số 1257/CT-TKN ngày 1 tháng 2 năm 2007 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do niêm yết chứng khoán, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2006) và được giảm 50% trong năm tiếp theo. Các khoản thu nhập chịu thuế từ hoạt động khác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Do đó, không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận trong năm.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2012	2011
	VND	VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	27.192.340.597	82.048.058.256
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.192.340.597	82.048.058.256
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.000.000	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.295	3.907

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 7 tháng 12 năm 2012, Công ty phải nộp bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với số tiền là 6.747.136.823 đồng do Công ty kê khai hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ việc niêm yết chứng khoán chưa đúng hướng dẫn của Công văn số 2924/TCT-PC ngày 19 tháng 8 năm 2011 của Tổng cục Thuế. Công ty chưa ghi nhận khoản thuế phải nộp bổ sung này vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 vì Công ty đã làm Công văn giải trình chi tiết gửi Tổng cục thuế xem xét và giải quyết ưu đãi thuế do niêm yết chứng khoán của Công ty. Tại ngày lập báo cáo tài chính này Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi từ Tổng cục Thuế.

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.365.134.494	1.365.134.494

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	1.459.084.320	1.365.134.494
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	5.836.337.280	5.460.537.974
Sau năm năm	35.018.023.680	33.995.957.918
	<u>42.313.445.280</u>	<u>40.821.630.386</u>

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tiền thuê đất với tiền thuê hàng năm từ 9.917.430 đồng đến 576.536.400 đồng với thời hạn từ 24 năm tới 50 năm.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ đầu tư và phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Các khoản vay	487.067.956.463	569.940.226.557
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	23.354.614.977	28.163.309.549
Nợ thuần	463.713.341.486	541.776.917.008
Vốn chủ sở hữu	341.371.782.270	344.865.617.444
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	136%	157%

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.354.614.977	28.163.309.549
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.370.000.000	6.785.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	298.383.988.988	390.445.162.634
Đầu tư tài chính dài hạn	3.986.445.187	14.076.617.047
Ký quỹ dài hạn	574.000.000	524.000.000
Tổng	330.669.049.152	439.994.089.230
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	487.067.956.463	569.940.226.557
Phải trả người bán và phải trả khác	173.993.469.541	240.152.397.442
Chi phí phải trả	2.651.671.519	4.381.970.198
Tổng	663.713.097.523	814.474.594.197

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá cổ phiếu và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Đô la Mỹ (USD)	29.162.896	16.898.590	246.847.187.695	196.797.298.615
Euro (EUR)	5.518.274	5.502.048	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ và Đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2012	2011
	VNĐ	VNĐ
Đô la Mỹ (USD)	24.681.802.480	19.678.040.003
Euro (EUR)	(551.827)	(550.205)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm/tăng 855.189.841 đồng (năm 2011: 1.561.999.691 đồng).

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VNĐ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VNĐ	+200	(855.189.841)
VNĐ	-200	855.189.841
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011		
VNĐ	+200	(1.561.999.691)
VNĐ	-200	1.561.999.691

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Nếu giá cổ phiếu đầu tư giảm 10% trong khi tất cả các chỉ số khác không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm 437.000.000 đồng.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông đã góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1-5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.354.614.977	-	23.354.614.977
Đầu tư tài chính	4.370.000.000	3.986.445.187	8.356.445.187
Phải thu khách hàng và phải thu khác	298.383.988.988	-	298.383.988.988
Các khoản ký quỹ	-	574.000.000	574.000.000
	326.108.603.965	4.560.445.187	330.669.049.152
Các khoản vay	456.902.956.464	30.164.999.999	487.067.956.463
Phải trả người bán và phải trả khác	157.636.560.488	16.356.909.053	173.993.469.541
Chi phí phải trả	2.651.671.519	-	2.651.671.519
	617.191.188.471	46.521.909.052	663.713.097.523
Chênh lệch thanh khoản thuần	(291.082.584.506)	(41.961.463.865)	(333.044.048.371)
	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1-5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.163.309.549	-	28.163.309.549
Đầu tư tài chính	6.785.000.000	14.076.617.047	20.861.617.047
Phải thu khách hàng và phải thu khác	390.445.162.634	-	390.445.162.634
Các khoản ký quỹ	-	524.000.000	524.000.000
	425.393.472.183	14.600.617.047	439.994.089.230
Các khoản vay	529.995.226.558	39.944.999.999	569.940.226.557
Phải trả người bán và phải trả khác	226.108.644.916	14.043.752.526	240.152.397.442
Chi phí phải trả	4.381.970.198	-	4.381.970.198
	760.485.841.672	53.988.752.525	814.474.594.197
Chênh lệch thanh khoản thuần	(335.092.369.489)	(39.388.135.478)	(374.480.504.967)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Bán hàng		
Bán hàng cho Tổng Công ty Thép Việt Nam	154.691.667.100	888.333.827.600
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	616.264.227.900	608.323.546.610
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	552.686.088.830	695.316.144.500
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	745.362.000	4.350.174.200
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội	5.799.833.660	10.948.602.960
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thép Tấm Lá Thống Nhất	-	209.898.741.998
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thép Tây Đô	-	33.460.424.000
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim	996.778.000	-
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Lưới Thép Bình Tây	19.460.601.184	4.058.875.901

Mua hàng		
Mua hàng từ Tổng Công ty Thép Việt Nam	96.331.702.615	165.170.434.276
Mua hàng từ Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	21.277.711.380	85.942.000.000
Mua hàng từ Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	7.595.402.500	7.096.786.200
Mua hàng từ Công ty Thép Vina Kyoei	360.297.688.070	26.607.196.720

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Lương và các thu nhập khác	2.058.730.881	2.995.745.589

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Thép Việt Nam	1.428.680.000	8.514.820.820
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	6.710.376.200	53.702.547.250
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	4.119.464.045	24.072.676.729
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	-	79.655.400
Công ty Cổ phần Thép Tấm Lá Thống Nhất	50.659.033.380	56.426.880.620
Công ty Cổ phần Lưới Thép Bình Tây	2.450.605.433	-
Công ty TNHH Thép Tây Đô	-	7.195.947.000
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty Thép Việt Nam	8.368.172.395	38.191.906.324
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	2.360.241.598	52.561.060.750
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	77.164.010	617.243.000
Công ty Thép Vina Kyoei	14.652.685.613	18.121.477.456

500-002-C
NHÂN
CÔNG TY
KIỂM HỮU H
OITTE
NAM
P. HỒ CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

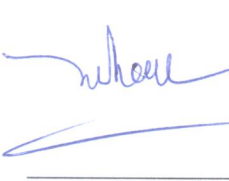
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***33. SỐ LIỆU SO SÁNH**

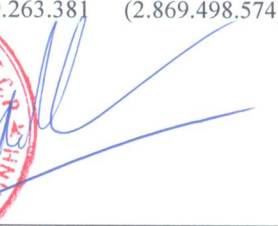
Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

	31/12/2011 VNĐ (Sau phân loại)	31/12/2011 VNĐ (Trước phân loại)	Thay đổi thuần VNĐ
Phải thu khách hàng	388.415.789.412	360.172.494.618	28.243.294.794
Trả trước cho người bán	6.083.224.831	15.740.512.349	(9.657.287.518)
Các khoản phải thu khác	2.029.373.222	29.065.261.202	(27.035.887.980)
Hàng tồn kho	444.175.346.826	434.518.059.308	9.657.287.518
Phải thu dài hạn khác	-	524.000.000	(524.000.000)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.011.234.652	7.218.641.466	(1.207.406.814)
Tài sản dài hạn khác	524.000.000	-	524.000.000
Vay và nợ ngắn hạn	529.995.226.558	520.215.226.558	9.780.000.000
Phải trả người bán	204.353.243.327	204.977.511.358	(624.268.031)
Chi phí phải trả	4.381.970.198	3.757.702.167	624.268.031
Vay và nợ dài hạn	39.944.999.999	49.724.999.999	(9.780.000.000)

	2011 VNĐ (Sau phân loại)	2011 VNĐ (Trước phân loại)	Thay đổi thuần VNĐ
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	6.157.775.301.260	6.154.905.802.686	2.869.498.574
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.409.764.807	23.279.263.381	(2.869.498.574)


Tô Hải Dung
Người lập biểu


Võ Thị Lệ Châu
Kế toán trưởng


Nguyễn Minh Xuân
Tổng Giám đốc
Ngày 1 tháng 3 năm 2013

